

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2024
V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyên và ông Nguyễn Đức Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm: 1998

Địa chỉ: thôn I, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Đàm Mạnh D**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: tổ C, khu A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2024, tại bản tự khai nguyên đơn chị **Bùi Thị N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh **Đàm Mạnh D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ C, khu A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, chị N cùng con về nhà mẹ đẻ ở, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị N đề nghị Tòa án cho chị N được ly hôn với anh Đàm Mạnh D.

Về con chung: chị N và anh D có 01 con chung là Đàm Gia H, sinh ngày 19/9/2020. Khi ly hôn chị N muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: chị N và anh D không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho anh Đàm Mạnh D tuy nhiên anh D vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không hợp tác.

Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - Ông Lại Văn T là khu trưởng khu A, phường Q, thành phố U cung cấp sự việc: Chị N và anh D là công dân cư trú tại tổ C, khu A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, chị N cùng con đã về nhà mẹ đẻ ở. Chị N và anh D là lao động tự do có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Việc chị N có đơn xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn anh Đàm Mạnh D; Giao con chung Đàm Gia H, sinh ngày 19/9/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” bị đơn có nơi cư trú tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đàm Mạnh D được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Bùi Thị N và anh Đàm Mạnh D kết hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị N, anh D không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải tình cảm vợ chồng cùng nhau gỡ bỏ mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng anh D vắng mặt không lý do cố tình không hợp tác điều đó chứng tỏ anh D cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ đó xác định: Mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị N và anh D có 01 con chung tên là Đàm Gia H, sinh ngày 19/9/2020. Trong quá trình giải quyết, chị N muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Mặt khác anh D vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung*: chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản; anh D vắng mặt, không có quan điểm về tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản.

[3] **Về án phí**: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Quyền kháng cáo**: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị N về việc xin ly hôn với anh Đàm Mạnh D.

Tuyên xử:

1. Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đàm Mạnh D.
2. Về con chung: giao con chung Đàm Gia H, sinh ngày 19/9/2020 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đàm Mạnh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đàm Mạnh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002676 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- UBND phường Quang Trung (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thiên Nga

